

Số: 597/KHPL-LQT, LSS&QCN

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO
Kết quả hội thảo quốc tế “Quyền tư pháp trong nhà nước pháp quyền – Lý luận và thực tiễn”

Kính gửi: Ban quản lý Dự án “Tăng cường tiếp cận công lý và bảo vệ quyền tại Việt Nam”

Thực hiện kế hoạch hoạt động năm 2013 trong khuôn khổ Dự án “Tăng cường tiếp cận công lý và bảo vệ quyền tại Việt Nam”, Viện Khoa học Pháp lý đã chủ trì triển khai tổ chức hội thảo “Quyền tư pháp trong nhà nước pháp quyền – Lý luận và thực tiễn” vào 2 ngày 23 và 24/10/2013 tại Hà Nội. Viện xin được báo cáo kết quả hội thảo như sau:

I. Báo cáo hành chính

Hội thảo “Quyền tư pháp trong nhà nước pháp quyền – Lý luận và thực tiễn” được tổ chức từ vào các ngày 23 và 24/10/2013 tại Thành phố Hải Phòng. Thành phần tham dự: Chuyên gia trong nước: 09 chuyên gia có bài tham luận (xem cụ thể phần dưới) và một số chuyên gia phản biện độc lập cùng với sự tham dự của gần 80 đại biểu đến từ các cơ quan trung ương và địa phương: Tòa án nhân dân tối cao....; các cơ sở đào tạo; cơ sở nghiên cứu (Khoa luật – ĐHQG Hà Nội, ĐH Luật Hà Nội, Viện Nhà nước và Pháp luật...); Sở Tư pháp, Tòa án các địa phương, Hội đồng nhân dân (Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Lạng Sơn, Bắc Giang, Hà Nội, Nam Định, Hải Phòng)

II. Báo cáo nội dung

1. Hệ Tham luận và chuyên gia thực hiện Tham luận

Viện Khoa học Pháp lý đã mời 09 chuyên gia thực hiện 09 tham luận sau đây:

(1) “*Quyền tư pháp, cơ quan tư pháp và cải cách tư pháp ở Việt Nam – Một số vấn đề nhận thức lý luận ở Việt Nam*” - TS. Dương Thị Thanh Mai, Chuyên gia cao cấp, Bộ Tư pháp.

(2) “*Quyền tư pháp ở Australia*” – GS. Penelope Nicholson.

(3) “*Cơ chế thực hiện và kiểm soát quyền tư pháp và phương hướng hoàn thiện*” – GS.TS. Nguyễn Đăng Dung – Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

(4) “*Cải cách tư pháp ở Việt Nam thời gian qua – Kết quả đạt được và một số nhiệm vụ trước mắt*” – PGS.TS. Nguyễn Tất Viễn - Ủy viên chuyên trách, Ban Chỉ đạo CCTP TW.

(5) “*Khái quát về CCTP ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay và nhận diện cơ hội thách thức đặt ra cho quá trình cải cách tư pháp hiện nay*” – TS. Nguyễn Văn Hiền – Phó Viện trưởng Viện Khoa học pháp lý

(6) “*Đôi điều về quyền tư pháp*” – Nicholas Booth Cố vấn Chính sách – Pháp quyền, Tiếp cận Công lý và Nhân quyền UNDP Trung tâm Khu vực Châu Á-Thái Bình Dương.

(7) “*Những yêu cầu và dự kiến sửa đổi, bổ sung Luật tổ chức tòa án nhân dân theo yêu cầu cải cách tư pháp*” – Ông Trần Văn Tú - Nguyên Phó chánh án TANDTC.

(8) “*Vị trí vai trò của Tòa án trong tổ chức bộ máy nhà nước theo nguyên tắc của nhà nước pháp quyền, thực tiễn và phương hướng hoàn thiện*” – TS. Tô Văn Hòa – Đại học Luật Hà Nội

(9) “*Quyền tư pháp trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa – Những vấn đề đặt ra trong tình hình mới*” – TS. Nguyễn Văn Cương – Phó Viện trưởng Viện Khoa học Pháp lý

2. Kết quả nội dung Hội thảo

Tại Hội thảo, 09 chuyên gia đã trình bày 09 Tham luận và có hơn 30 lượt ý kiến của các đại biểu tham dự Hội thảo. Các Tham luận và ý kiến trao đổi tập trung vào các vấn đề chính sau đây:

(1) Làm rõ các khái niệm “quyền tư pháp”, “hệ thống cơ quan tư pháp”, “cải cách tư pháp” trong nhà nước pháp quyền

1.1. Quyền tư pháp trong nhà nước pháp quyền

Theo nghĩa truyền thống được sử dụng trong khoa học pháp lý, thuật ngữ “Quyền tư pháp” thường được giải thích một cách đơn giản là quyền xét xử. Nói một cách cụ thể hơn, đó là quyền của Tòa án xét xử một vụ việc thực tế nào đó trên cơ sở xem xét các tình tiết thực tế của vụ việc, áp dụng pháp luật để xác định hậu quả pháp lý và ra phán quyết. Theo nghĩa đó, hệ thống cơ quan thực hiện quyền tư pháp là hệ thống cơ quan thực hiện quyền xét xử, tức là hệ thống Tòa án. Khái niệm này được đúc rút từ cách sử dụng thuật ngữ “Judiciary” trong tác phẩm nổi tiếng nhất của Thuyết tam quyền phân lập, cuốn “Tinh thần pháp luật” của Montesquieu.¹ Trong khoa học và thực tiễn pháp lý hiện đại, cách hiểu truyền thống vẫn được sử dụng, song bên cạnh đó cũng đã xuất hiện quan điểm về quyền tư pháp và cơ quan tư pháp theo xu hướng tiếp cận rộng hơn, tổng quát hơn về quyền tư pháp. Ở nhiều quốc gia trên thế giới, cho dù cơ quan công tố có thể trực thuộc nhánh hành pháp hay Tòa án song càng ngày cơ quan này càng có xu hướng vận hành theo nguyên tắc độc lập giống như hệ thống Tòa án. Như vậy, để hiểu một cách đúng đắn nhất về Quyền tư pháp trong bộ máy nhà nước hiện đại cần tiếp cận theo nghĩa bao trùm nhất của nó, trên cơ sở đặt Quyền tư pháp trong mối tương quan với Quyền lập pháp và Quyền hành pháp. Theo đó, Quyền hành pháp là một thứ quyền lực do Nhà nước thực thi, bên cạnh Quyền lập pháp và Quyền hành pháp, trong phạm vi lãnh thổ thuộc thẩm quyền của mình. Quyền lập pháp là quyền đặt ra các quy tắc xử sự đối với các quan hệ trong xã hội; Quyền hành pháp là quyền chủ động thực thi quyền lực nhà nước và các quy định của pháp luật; còn Quyền tư pháp là quyền bảo vệ pháp luật, tức là áp dụng chế tài đối với các vi phạm đã xảy ra theo quy định của pháp luật.

1.2. Hệ thống cơ quan tư pháp trong Nhà nước pháp quyền

Mục tiêu của quyền tư pháp là xác định đã có vi phạm pháp luật xảy ra hay không và nếu có thì áp dụng chế tài. Tất cả các hoạt động của các cơ quan nhà nước hoặc phi nhà nước mang những đặc điểm trên đây đều có thể được coi là hoạt động mang tính chất tư pháp, khác hẳn với hoạt động mang tính chất lập pháp hay hành pháp. Các cơ quan tham gia vào quá trình nhằm hướng tới mục tiêu nêu trên hợp thành hệ thống các cơ quan tư pháp trong một quốc gia. Trong hệ thống tư pháp

¹ Mục 6, Quyền 11: Về thứ pháp luật thiết lập nên quyền tự do chính trị, liên quan tới Hiến pháp, Tinh thần pháp luật, Montesquieu, 1752.

của bất kỳ quốc gia nào, vụ việc điển hình nhất thuộc thẩm quyền xử lý của quyền tư pháp chính là một vụ án hình sự. Chính các cơ quan nhà nước và phi nhà nước tham gia vào quá trình xử lý vụ án hình sự hợp thành hệ thống các cơ quan thực hiện quyền tư pháp theo nghĩa toàn diện nhất của thuật ngữ này ở Việt Nam. Các cơ quan đó bao gồm: cơ quan điều tra, cơ quan công tố, luật sư, cơ quan xét xử, cơ quan thi hành án và các cơ quan hỗ trợ tư pháp (công chứng, giám định tư pháp) trong đó mỗi cơ quan đều có vai trò, chức năng riêng của mình và khi kết hợp các chức năng đó lại thì Quyền tư pháp sẽ được Nhà nước thực thi một cách đúng đắn.

1.3. Quan niệm về cải cách tư pháp ở Việt Nam

- Cải cách tư pháp là quá trình đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống tòa án với trung tâm là hoạt động xét xử, đồng thời với việc điều chỉnh cần thiết tổ chức và hoạt động của các cơ quan, tổ chức tham gia thực hiện quyền tư pháp để phù hợp với đổi mới tòa án nhằm mục tiêu làm cho việc thực hiện quyền tư pháp ngày càng ngày càng thể hiện đầy đủ, đúng đắn bản chất dân chủ, của dân, do dân, vì dân của nhà nước pháp quyền XHCN, bảo vệ công lý, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân và nhà nước Việt Nam

- Cải cách tư pháp trước tiên và trọng tâm là cải cách tổ chức, hoạt động của các tòa án và phải dựa trên cải cách các trụ cột chính (yếu tố cấu thành) của quyền tư pháp:

- + Cải cách, hoàn thiện các nguyên tắc tổ chức thực hiện quyền tư pháp;
- + Cải cách, hoàn thiện các thủ tục thực hiện quyền tư pháp (tổ tụng tư pháp);
- + Cải cách tổ chức các Tòa án và các thiết chế tham gia/hỗ trợ thực hiện quyền tư pháp (điều tra, công tố, luật sư, giám định tư pháp...) phù hợp với cải cách Tòa án

- Cải cách, hoàn thiện các cơ chế bảo đảm cho Thẩm phán và các chức danh tư pháp, hỗ trợ tư pháp thực hiện thông qua quá trình cải cách, hoàn thiện pháp luật/thể chế và tổ chức thực thi các thể chế đó nhằm bảo đảm tính pháp quyền trong sự vận hành của quyền tư pháp.

(2) Quá trình cải cách tư pháp ở Việt Nam từ năm 1945 đến nay

Các cơ quan tư pháp của Nhà nước ta được thiết lập sau khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công. Trong quá trình phát triển, các cơ quan tư pháp đã trải

qua một số lần cải cách nhằm đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước².

2.1. Cải cách lần thứ nhất: Thiết lập nền tư pháp mới của chế độ dân chủ nhân dân (1945-1954):

- Mục tiêu của việc xây dựng nền tư pháp mới là xóa bỏ hệ thống TP chế độ cũ, xây dựng hệ thống TP chế độ mới.

- Hệ thống Tư pháp (Tòa án) thời kỳ này tuy mới thành lập nhưng đã kế thừa được những giá trị căn bản, phổ quát nhất của một nền tư pháp dân chủ:

- Cơ quan tư pháp được hiến định rõ trong Hiến pháp 1946 là các Tòa án (Điều 63): Hệ thống tòa án quân sự (theo sắc lệnh 33C – ngày 13-9-45); Hệ thống tòa án thường (sắc lệnh 13- ngày 24-1-46): Tòa thượng thẩm – đệ nhị cấp – sơ cấp; Tòa án đặc biệt và Tòa án binh (Sắc lệnh 64 –SL: 23-11-45);

- Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của TA cơ bản phù hợp với thông lệ chung, như: xác định tư pháp độc lập với hành chính và được tổ chức theo cấp xét xử; nguyên tắc xét xử công khai; nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa cho bị cáo...;

- Mô hình tổ tụng thời kỳ này là mô hình tổ tụng thẩm vấn, chịu ảnh hưởng của tổ tụng thẩm vấn thời kỳ Pháp thuộc, đồng thời cũng có những thay đổi nhất định như khi xét xử các việc hình (tiểu hình, đại hình) phải có phụ thẩm nhân dân tham gia..

- Công tác quản lý tòa án: Bộ Tư pháp

- Một số hạn chế: Các Toà án vừa thực hiện quyền công tố, chỉ đạo điều tra vừa thực hiện quyền xét xử và tổ chức thi hành án, nhiều toà thẩm phán kiêm luôn cả chu trình tổ tụng; Trong kháng chiến: Ủy ban kháng chiến kiêm luôn cả chức năng xét xử của Toà án.

Cải cách tư pháp năm 1950 -1953 (Sắc lệnh 85 ngày 22.5.50)

² Theo Hiến pháp năm 1946, Tòa án được xác định là cơ quan tư pháp, bao gồm: Toà án tối cao; các Toà án phúc thẩm, các Toà án đệ nhị cấp, các tòa án sơ cấp. Theo Sắc lệnh số 85/SL ngày 22/5/1950 về cải cách tư pháp và luật tổ tụng, Toà án sơ cấp đổi thành Toà án nhân dân huyện, Toà án đệ nhị cấp đổi thành Toà án nhân dân tỉnh, Hội đồng phúc án đổi thành Tòa phúc thẩm; Phụ thẩm nhân dân đổi thành Hội thẩm nhân dân. Theo Hiến pháp năm 1959, Luật tổ chức tòa án nhân dân năm 1960 và Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 1960, Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân trở thành hai hệ thống riêng biệt; Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội.

- Mục tiêu của CCTP: Tăng cường tính nhân dân trong hoạt động xét xử; Làm nhẹ bộ máy tư pháp; Đổi mới thủ tục tố tụng theo hướng hợp lý và giản dị hơn.

- Đánh giá:

+ Góp phần huy động tổng lực sức mạnh của cả bộ máy nhà nước trong việc giành độc lập, đánh đuổi thực dân Pháp;

+ Mô hình tố tụng thời kỳ này là mô hình tố tụng thẩm vấn tương đối phù hợp với hoàn cảnh lịch sử;

+ Công tác quản lý tòa án: Bộ Tư pháp

- Hạn chế: CCTP thời kỳ này có xu hướng nhấn mạnh tính giai cấp, có phần coi nhẹ các nguyên tắc cốt lõi của nền tư pháp dân chủ: Các nguyên tắc hành chính lấn át tố tụng (theo Sắc lệnh 103-SL ngày 5.6.50: Ủy ban (kháng chiến) có thể vạch đường lối cho một vụ án xét thấy quan trọng; Tòa án tại các vùng tạm bị chiếm đóng thì thủ tục tố tụng đặc biệt đơn giản, các bản án được thi hành ngay; Tổ chức hệ thống Tòa án theo nguyên tắc thẩm quyền xét xử kết hợp hành chính lãnh thổ; Quyền tài phán còn được trao cho cơ quan hành chính (Ủy ban hành chính), Ban tư pháp xã; Thành phần công nông đã được bổ nhiệm nhiều hơn vào các chức danh Thẩm phán; Chế định Hội thẩm nhân dân ra đời cũng làm thay đổi cơ bản thành phần và vai trò đại diện của nhân dân trong xét xử của Tòa án...

2.2. Cải cách lần thứ hai: Cải cách tư pháp giai đoạn 1959-1960 và tổ chức, hoạt động của cơ quan tư pháp từ 1960 đến trước cải cách tư pháp năm 2002.

Mục tiêu CCTP (59-60): không rõ mục tiêu CCTP:

- Đánh giá:

+ Tư pháp có chức năng chính là bảo vệ pháp chế và chế độ XHCN, quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, bảo vệ tài sản XHCN, bảo đảm sự tôn trọng tính mạng, tài sản, tự do, danh dự và nhân phẩm của công dân.

+ Cải cách tư pháp giai đoạn này đã mang lại khá nhiều thay đổi trong các yếu tố của hệ thống tư pháp (thể chế, thiết chế, nguyên tắc tổ chức, ra đời nhiều tòa chuyên trách: Tòa lao động, kinh tế...);

+ Tư pháp được hiểu theo nghĩa rộng (bao gồm không chỉ Tòa án mà còn cơ quan điều tra, viện kiểm sát và cả thi hành án)....

- Về tổ chức Tòa án và các thiết chế liên quan:

+ Toà án nhân dân tối cao và Viện công tố Trung ương được thành lập (trực thuộc Hội đồng Chính phủ - Nghị định số 256 ngày 1.7.59 và Nghị định số 321 ngày 27.8.59) đến Hiến pháp 1959, Toà án và Viện kiểm sát được tách thành hai hệ thống riêng trực thuộc Quốc hội.

+ Từ năm 1960 đến năm 1981, trong Chính phủ không có Bộ Tư pháp. Năm 1981 Bộ Tư pháp được tái lập.

- Công tác quản lý Tòa án địa phương:

+ Trước 1981, Toà án nhân dân tối cao + Chính quyền địa phương;

+ Từ sau 1981 đến năm 1992: Bộ Tư pháp + Chính quyền địa phương;

+ Từ năm 1992 đến năm 2001 Bộ Tư pháp có trách nhiệm thống nhất quản lý về mặt tổ chức đối với TAND địa phương

- Hạn chế:

+ Cuộc CCTP năm 1959-1960 không xác định rõ mục tiêu, thời hạn cũng như lộ trình thực hiện;

+ Các nguyên tắc và giá trị phổ biến trong tổ chức và hoạt động tư pháp mặc dù được ghi nhận nhưng thiếu cơ sở và điều kiện bảo đảm thực thi đầy đủ (nguyên tắc độc lập xét xử nhìn chung chưa được coi trọng đúng mức (can thiệp của Tòa án cấp trên với Tòa án cấp dưới...), sự phụ thuộc của Tòa án vào chính quyền địa phương (do cơ chế bầu thẩm phán, HTND; cơ chế phân bổ, cấp phát kinh phí, bảo đảm cơ sở vật chất cho Tòa án hoạt động...));

2.3. Cải cách lần thứ ba: Cải cách tư pháp từ 2002 đến nay

- Mục tiêu CCTP:

+ Xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

+ Trọng tâm của CCTP là hoạt động xét xử, tòa án có vị trí trung tâm của hệ thống tư pháp. Nghị quyết đã đề ra 04 phương hướng và 07 nhóm giải pháp, tập trung vào các vấn đề chính:

+ Nhấn mạnh đến hoàn thiện chính sách hình sự; và thủ tục tố tụng tư pháp (tranh tụng tại tòa coi đây là khâu đột phá; thủ tục xét xử rút gọn, mở rộng thẩm quyền của tòa án đối với các khiếu kiện hành chính);

+ Tổ chức hệ thống tòa án theo thẩm quyền xét xử, không phụ thuộc vào đơn vị hành chính;

+ Nghiên cứu việc chuyển Viện kiểm sát thành viện công tố, tăng cường trách nhiệm của công tố trong hoạt động điều tra;

+ Chuẩn bị điều kiện về cán bộ, cơ sở vật chất để giao cho Bộ Tư pháp giúp Chính phủ thống nhất quản lý công tác thi hành án;....

+ Kiện toàn Ban chỉ đạo CCTP TƯ ...

- Đánh giá:

+ Một số nhiệm vụ CCTP đã và đang triển khai mang lại những kết quả bước đầu khá tích cực, như: hoàn thiện chính sách hình sự, dân sự, pháp luật tố tụng tư pháp; phát triển các thiết chế hỗ trợ tư pháp, xã hội hóa mạnh mẽ một số hoạt động hỗ trợ tư pháp (luật sư, công chứng, giám định, thi hành án dân sự); phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ có chức danh tư pháp...

- Hạn chế:

+ Công tác nghiên cứu lý luận vẫn không được coi trọng; Rất nhiều chủ trương không được triển khai trên thực tế: một số chủ trương không những bị dậm chân tại chỗ (như tổ chức hệ thống tòa án theo thẩm quyền xét xử; thống nhất quản lý nhà nước về công tác thi hành án, thu gọn đầu mối các cơ quan điều tra) mà còn có khả năng đi lệch so với định hướng ban đầu (như nghiên cứu chuyển Viện kiểm sát thành viện Công tố; cơ chế thi tuyển các chức danh tư pháp, mô hình đào tạo các chức danh tư pháp...)

(3) Những kết quả đạt được của công tác cải cách tư pháp từ khi có Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

Nhìn lại quá trình thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp 8 năm qua (2005-2013) có thể thấy các nhiệm vụ cách tư pháp được triển khai với những bước đi phù hợp, thu được những kết quả bước đầu quan trọng, cả về hoàn thiện thể chế và

đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI đã nhận xét: “Tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp có một số đổi mới. Việc tăng thẩm quyền cho toà án cấp huyện, nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên toà, đề cao vai trò của luật sư trong tố tụng được thực hiện bước đầu có kết quả. Việc thực hiện các thủ tục tố tụng ngày càng tốt hơn, hạn chế được tình trạng điều tra, truy tố, xét xử oan, sai hay bỏ lọt tội phạm. Chất lượng hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án được nâng lên”³.

Thứ nhất, Trong lĩnh vực hoàn thiện chính sách và pháp luật

Xác định thể chế phải đi trước một bước, Chính phủ, các cơ quan tư pháp đã tham mưu cho Quốc hội ban hành mới, bổ sung, sửa đổi nhiều văn bản quy phạm pháp luật, tạo cơ sở pháp lý vững chắc để thực hiện cải cách tư pháp⁴. Các văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các văn bản hướng dẫn thi hành đã từng bước thể chế hóa được chủ trương, chính sách của Đảng về hình sự, dân sự, tố tụng tư pháp, về tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp.

Chính sách hình sự đã có sự thay đổi theo hướng nhân đạo (Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đã bãi bỏ hình phạt tử hình đối với 8 tội danh, mở rộng phạm vi áp dụng hình phạt tiền, hạn chế áp dụng hình phạt tù, thay đổi hình thức thi hành án tử hình). Đã thực hiện phi tội phạm hóa và phi hình sự hóa một số hành vi phạm tội. Các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp đã phát huy tác dụng rõ rệt. Luật Công chứng ra đời đã giải quyết được tình trạng ùn tắc trong công chứng, chứng thực. Luật Luật sư đã có vai trò quan trọng trong củng cố tổ chức và hoạt động luật sư, bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự và những người có quyền và lợi ích liên quan; Luật Giám định tư pháp góp phần giải quyết từng bước điểm nghẽn trong tố tụng khi đi theo hướng xã hội hóa một số loại hình giám định....

Thứ hai, Đổi mới một bước tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp

Trong khoảng thời gian thực hiện chiến lược CCTP, đã hoàn thành việc tăng thẩm quyền đối với toà án nhân dân và các cơ quan tư pháp cấp huyện; mở rộng

³ Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 160

⁴ Luật Luật sư 2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2012); Luật Công chứng 2006; Luật Đặc xá 2007; Luật Thi hành án dân sự 2008; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự 2009; Luật Lý lịch tư pháp 2009; Luật Tố tụng hành chính 2010; Luật Thi hành án hình sự 2010; Luật Trọng tài thương mại 2010; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự 2011; Luật Giám định tư pháp 2012; Ủy ban thường vụ Quốc hội thông qua Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự (sửa đổi, bổ sung 2007)...

thẩm quyền xét xử của toà án nhân dân đối với các khiếu kiện hành chính; tích cực chuẩn bị các điều kiện cần thiết để thành lập toà án nhân dân sơ thẩm khu vực và viện kiểm sát nhân dân khu vực theo tinh thần Kết luận số 79-KL/TW ngày 28 tháng 7 năm 2010 của Bộ Chính trị. Hệ thống cơ quan thi hành án hình sự và cảnh sát hỗ trợ tư pháp, hệ thống cơ quan thi hành án dân sự từ Trung ương đến cấp huyện đã được kiện toàn, công tác thi hành án cả về hình sự, dân sự, hành chính đã có nhiều tiến bộ so với những năm trước đây. Đã thực hiện thí điểm thừa phát lại tại TP. Hồ Chí Minh và thu được những kết quả bước đầu. Năm 2013, Bộ Tư pháp đã chọn thêm 13 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để làm thí điểm chế định Thừa phát lại. Hiện đang tiếp tục nghiên cứu đổi mới tổ chức và hoạt động của cơ quan điều tra và cơ thi hành án.

Thứ ba, tổ chức và hoạt động của các cơ quan, tổ chức hỗ trợ tư pháp

Cả nước hiện có 63 Đoàn Luật sư ở 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Với số lượng Luật sư hơn 7.600 người và hơn 3.500 luật sư tập sự, chất lượng luật sư đã từng bước được nâng lên. Các luật sư đã tham gia tích cực vào tranh tụng theo tinh thần cải cách tư pháp. Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án “Phát triển đội ngũ luật sư phục vụ hội nhập kinh tế quốc tế từ năm 2010 đến năm 2020” và Chiến lược phát triển nghề luật sư đến năm 2020. Tổ chức trợ giúp pháp lý đã có những đóng góp quan trọng cho việc nâng cao nhận thức pháp luật và bảo vệ quyền lợi cho những người nghèo, người có công với cách mạng và đồng bào dân tộc thiểu số⁵.

Thứ tư, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tư pháp

Từ năm 2005 đến nay, Trường Đại học Luật Hà Nội và Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh đã đào tạo hàng ngàn cử nhân luật, hàng trăm thạc sỹ và tiến sỹ luật, cung cấp một nguồn nhân lực lớn cho xã hội, trong đó có các cơ quan tư pháp. Học viện Tư pháp (thuộc Bộ Tư pháp) đã cố gắng bảo đảm và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư, chấp hành viên, công chứng viên và các chức danh tư pháp khác; bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ có chức danh tư pháp thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Tư pháp. Về cơ bản đáp ứng được yêu cầu của toà án nhân dân viện kiểm sát nhân dân

⁵ Hiện có 63 Trung tâm Trợ giúp pháp lý cấp tỉnh, 142 Chi nhánh Trợ giúp pháp lý cấp huyện và gần 4.500 Câu lạc bộ Trợ giúp pháp lý cấp xã.

và Bộ Tư pháp. Trường Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm sát (thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao) và Trường Cán bộ Toà án (thuộc TANDTC) đã đào tạo và bồi dưỡng được nhiều cán bộ theo chương trình và kế hoạch của mỗi ngành⁶. Bộ Công an đã thường xuyên quan tâm tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ điều tra, cán bộ làm công tác thi hành án hình sự. Đội ngũ cán bộ tư pháp trong quân đội được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, bảo đảm các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Thứ năm, Tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động của các cơ quan tư pháp

Các cơ quan Trung ương, cấp ủy và chính quyền nhiều địa phương đã tạo thuận lợi cho các cơ quan tư pháp trong việc tăng cường cơ sở vật chất, trụ sở, phương tiện làm việc để từng bước hiện đại hóa các cơ quan tư pháp. Trong điều kiện đất nước còn khó khăn, việc đầu tư cũng đã có sự tập trung và đạt hiệu quả nhất định.

Học viện Tư pháp và Trường Cán bộ Toà án đã xây dựng trụ sở mới tại Hà Nội; Trường Đại học Luật Hà Nội và Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, Trường Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm sát đã cải tạo, nâng cấp trụ sở, đáp ứng bước đầu đổi mới công tác đào tạo và bồi dưỡng.

Thứ sáu, công tác giám sát hoạt động tư pháp

Quốc hội đã thành lập Ủy ban Tư pháp. Hàng năm, ngoài hoạt động giám sát thường xuyên, Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp đã tổ chức nhiều hoạt động giám sát có liên quan đến hoạt động tư pháp và cải cách tư pháp. Đã từng bước đổi mới nội dung, phương thức giám sát, chủ yếu tập trung giám sát việc thực hiện trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan tư pháp và các chức danh tư pháp. Tại các kỳ họp Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp đã yêu cầu người đứng đầu các cơ quan tư pháp báo cáo kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật; giải trình rõ những vấn đề còn hạn chế, vướng mắc. Hoạt động chất vấn, trả lời chất vấn các vấn đề liên quan đến lĩnh vực tư pháp cũng được cải tiến, tập trung chất vấn việc thực hiện lời hứa, thực hiện các kiến nghị sau giám sát...và việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị.

⁶ Trường Đại học kiểm sát Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 614/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ

(4) Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác cải cách tư pháp ở Việt Nam

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện các nhiệm vụ cải cách tư pháp cũng còn những khó khăn, vướng mắc và hạn chế sau đây :

- Việc thể chế hoá các chủ trương, định hướng nêu trong Nghị quyết 49-NQ/TW còn chậm, chưa đồng bộ. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật làm cơ sở cho việc đổi mới tổ chức, hoạt động của các cơ quan tư pháp, bổ trợ tư pháp chưa hoàn chỉnh. Việc ban hành các văn bản hướng dẫn áp dụng luật trong lĩnh vực tư pháp còn chậm làm cho các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án gặp khó khăn.

- Công tác điều tra, truy tố, xét xử trong một số trường hợp chưa chính xác; án tồn đọng, án bị huỷ, bị cải sửa còn nhiều, chưa đáp ứng được yêu cầu cải cách tư pháp. Thực hiện tranh tụng tại phiên tòa ở các toà án địa phương còn lúng túng. Vai trò của tòa án với tư cách là cơ quan thực hiện quyền tư pháp trong hoạt động thi hành án chưa được thể hiện đầy đủ cả trong pháp luật và trong thực tiễn.

- Cơ cấu cán bộ các ngành tư pháp chưa hợp lý. Đội ngũ cán bộ tư pháp ở các vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số còn thiếu và yếu. Chế độ, chính sách đãi ngộ đối với cán bộ có chức danh tư pháp chưa tương xứng với tính chất nghề nghiệp và trách nhiệm. Chủ trương mở rộng nguồn để bổ nhiệm thẩm phán chưa được triển khai thực hiện.

- Trụ sở và trang thiết bị, phương tiện làm việc của một số cơ quan tư pháp, nhất là cấp huyện chưa được quan tâm đầu tư đúng mức, chưa tương xứng với vị trí, vai trò của các cơ quan tư pháp và các yêu cầu, nhiệm vụ cải cách tư pháp.

- Công tác giám sát của các cơ quan dân cử, của các tổ chức, đoàn thể xã hội chưa thường xuyên.

Trước yêu cầu phát triển mới của đất nước, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) xác định : “quyền lực nhà nước là thống nhất; có sự phân công, phối hợp và *kiểm soát* giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”. Như vậy, Chiến lược cải cách tư pháp phải được thực hiện với một yêu cầu mới, cao hơn, khi nguyên tắc *kiểm soát quyền lực nhà nước* đã được xác định.

Thực hiện nhiệm vụ nêu trên, trước mắt, cần triển khai theo đúng lộ trình các nhiệm vụ cải cách tư pháp trong Chương trình trọng tâm công tác cải cách tư pháp giai đoạn 2011-2016, trong đó chú ý tập trung vào các nhiệm vụ sau:

1. *Xây dựng và hoàn thiện các đề án triển khai nhiệm vụ CCTP*, được xác định trong Chương trình trọng tâm công tác cải cách tư pháp giai đoạn 2011-2016 của Ban Chỉ đạo CCTP Trung ương (về đổi mới tổ chức các cơ quan tư pháp, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực, đổi mới cơ chế phân bổ ngân sách, tăng cường cơ sở vật chất và đội ngũ cán bộ cho các cơ quan tư pháp, xây dựng cơ chế phát triển đội ngũ luật sư, xã hội hóa hoạt động thi hành án dân sự...)

2. Triển khai xây dựng, hoàn thiện và thực hiện các đề án về đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng, bổ nhiệm và sử dụng các chức danh tư pháp theo hướng nâng cao chất lượng toàn diện về chính trị chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp (thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên, chấp hành viên, giám định viên, luật sư...). Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị về “Xây dựng Trường Đại học Luật Hà Nội và Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh thành các trường trọng điểm đào tạo cán bộ về pháp luật” và “Xây dựng Học viện Tư pháp thành trung tâm lớn về đào tạo cán bộ tư pháp”. Mở rộng nguồn và tổ chức thi tuyển để lựa chọn, bổ nhiệm các chức danh tư pháp theo tinh thần Nghị quyết 49-NQ/TW. Nghiên cứu, đề xuất điều chỉnh chế độ, chính sách tiền lương cho cán bộ có chức danh tư pháp phù hợp với tính chất đặc thù của hoạt động tư pháp.

3. Thực hiện việc tổng kết 08 năm Nghị quyết số 49-NQ/TW, ngày 02-6-2005 của Bộ Chính trị về “Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020” nhằm đánh giá thống nhất, đầy đủ, chính xác thực trạng tình hình, những ưu điểm, hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc; những bài học kinh nghiệm trong việc quán triệt, tổ chức thực hiện các mục tiêu, quan điểm, định hướng, nhiệm vụ cải cách tư pháp. Đề xuất phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh việc thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

4. Trên cơ sở Hiến pháp năm 1992 được sửa đổi, bổ sung, cần tập trung nghiên cứu đề xuất sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các luật, pháp lệnh về tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp, bổ trợ tư pháp và các luật, pháp lệnh khác có liên quan như: Luật tổ chức Tòa án nhân dân, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, Bộ luật tố tụng dân sự, Bộ luật tố tụng hình sự, Luật tố tụng hành chính, Luật thi

hành án hình sự, Luật thi hành án dân sự và một số luật, Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, các pháp lệnh khác có liên quan tới tổ chức và hoạt động hoạt động của các cơ quan tư pháp./.

(5) Vị trí, vai trò của tòa án Việt Nam trong tiến trình cải cách tư pháp hiện nay và phương hướng hoàn thiện

- Hiến định vị trí của tòa án trong tổ chức bộ máy nhà nước

Theo lý luận của Thuyết Tam quyền phân lập đề cập trên đây, tòa án chính là cơ quan nhà nước thực hiện quyền tư pháp. Trong hệ thống tư pháp của quốc gia có thể có một số cơ quan hay chủ thể khác song tất cả các cơ quan hay chủ thể đó chỉ có vai trò hỗ trợ trong việc thực hiện quyền tư pháp mà thôi. Chính vì vậy hiến pháp phải thể chế hóa vị trí của tòa án – cơ quan thực hiện quyền tư pháp trong bộ máy nhà nước. Chỉ khi xác định rõ vị trí của tòa án như vậy mới có cơ sở để thiết lập mối quan hệ thích hợp giữa tòa án với các nhánh quyền lực khác – các cơ quan thực hiện quyền lập pháp và quyền hành pháp trong bộ máy nhà nước. Hiến pháp hiện hành chưa quy định rõ vị trí này của tòa án và điều này cần được khắc phục trong hiến pháp sửa, đổi, bổ sung sắp tới.

- Luật định vai trò của tòa án trong tố tụng tư pháp

Một khi vị trí của tòa án trong bộ máy nhà nước đã được hiến định là cơ quan thực hiện quyền tư pháp thì luật cần phải cụ thể hóa vai trò đó trong các quy định về tổ chức và tố tụng tư pháp.

Thứ nhất, về mặt thẩm quyền, tòa án, hay nói cách khác là hệ thống tòa án, phải có thẩm quyền toàn bộ và cao nhất đối với các công việc thuộc chức năng tư pháp của nhà nước. Trên lãnh thổ quốc gia, tòa án có thể không phải là cơ quan duy nhất thực hiện các công việc mang tính chất phán xử nhưng phải là cơ quan cao nhất và cuối cùng thực hiện các công việc đó.

Thứ hai, về mặt tổ chức, tòa án phải được tổ chức và vận hành như một hệ thống cơ quan thống nhất. Nói chung ở bất kỳ nước nào, mô hình tổng thể của hệ thống tòa án cũng bị quy định bởi cấu trúc của Nhà nước.

Thứ ba, về vai trò trong tố tụng hình sự, tòa án cần phải là người phán xử khách quan trong quy trình tố tụng tư pháp mang tính chất tranh tụng.

- Nguyên tắc độc lập của thẩm phán

Để tòa án phát huy được vị trí và vai trò của mình trong nhà nước pháp quyền không thể không nói tới việc quy định và thực thi nguyên tắc độc lập của thẩm phán. Ở Việt Nam, nguyên tắc thẩm phán độc lập đã được quy định ngay từ những bản hiến pháp đầu tiên và được kế thừa trong suốt lịch sử lập hiến. Điều 130, Hiến pháp hiện hành quy định về nguyên tắc này như sau: “*Khi xét xử, Thẩm phán ... độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.*” Nguyên tắc độc lập của thẩm phán có nghĩa là tính độc lập của thẩm phán phải được coi trọng trong quá trình tổ chức và hoạt động của hệ thống tòa án.

(6) Những yêu cầu đặt ra cho quá trình sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức tòa án nhân dân theo tiến trình cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay

Luật Tổ chức Tòa án nhân dân là Luật quy định về tổ chức bộ máy, nguyên tắc hoạt động của hệ thống Tòa án nhân dân. Luật Tổ chức Tòa án nhân dân thể chế hóa các quan điểm của Đảng về hệ thống Tòa án nhân dân và cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp mà tập trung nhất là quy định của Hiến pháp đối với Tòa án nhân dân

6.1. Quan điểm chỉ đạo

+ Thể chế hoá các chủ trương, đường lối, quan điểm về cải cách hệ thống các cơ quan tư pháp, hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp đã được xác định trong các Nghị quyết, văn kiện của Đảng⁷,

+ Bảo đảm tính hợp Hiến, hợp pháp và tính thống nhất của Luật tổ chức Toà án nhân dân (sửa đổi) trong hệ thống pháp luật. Đặc biệt, việc xây dựng Dự án Luật tổ chức Toà án nhân dân (sửa đổi) được tiến hành đồng thời với việc sửa đổi, bổ sung các luật khác có liên quan. Bảo đảm nguyên tắc "trong hệ thống tư pháp, Toà án giữ vị trí trung tâm, xét xử là hoạt động trọng tâm, nâng cao tính độc lập trong xét xử, các phán quyết của Toà án phải được thi hành".

6.2. Định hướng sửa đổi, bổ sung hoàn thiện Luật Tổ chức Tòa án

⁷ Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Bổ sung, phát triển năm 2011); Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02-01-2002 của Bộ Chính trị về Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới; Nghị quyết số 48- NQ/TW ngày 24-5-2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020; Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02-6-2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020; Nghị quyết Trung ương 2 khoá XI và Kết luận số 79-KL/TW ngày 28-7-2010 của Bộ Chính trị về Đề án đổi mới tổ chức và hoạt động của toà án, viện kiểm sát và cơ quan điều tra theo Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

Dự án Luật tổ chức Tòa án nhân dân (sửa đổi) được bao gồm: toàn bộ nội dung của Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2002 và Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân năm 2002 (được sửa đổi, bổ sung năm 2011), Pháp lệnh tổ chức Tòa án quân sự năm 2002.

Do đó, phạm vi điều chỉnh của Luật tổ chức Tòa án nhân dân (sửa đổi) sẽ bao gồm các quy định: về hệ thống Tòa án các cấp; về cơ cấu tổ chức, bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án; nguyên tắc hoạt động của Tòa án; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với bản án, quyết định của Tòa án; bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chánh án, Phó Chánh án Tòa án các cấp; nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh án, Phó Chánh án Tòa án các cấp; tiêu chuẩn, điều kiện, quy định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, điều động, biệt phái Thẩm phán; nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ chính sách của Thẩm phán; tiêu chuẩn, quy trình bầu hoặc cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm; nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ chính sách của Hội thẩm; nhiệm kỳ của Thẩm phán và Hội thẩm; các quy định về bảo đảm hoạt động của Tòa án; các quy định khác liên quan đến tổ chức và hoạt động của Tòa án.

(7) Quyền tư pháp ở Australia - một số kinh nghiệm cho Việt Nam.

Australia là một liên bang. *Hiến pháp Australia* thiết lập một tầng quyền lực giữa các bang và liên bang (gọi là chính quyền trung ương). Mỗi chính quyền đều có các tòa án riêng, hoạt động trong một hệ thống tòa án thống nhất

- Các nguyên tắc nền tảng của quyền tư pháp ở Australia:
 - + Nhà nước pháp quyền (kiểu phương tây)
 - + Học thuyết phân chia quyền lực (tam quyền phân lập)
 - + Tư pháp độc lập
- Những điểm đặc thù của quyền tư pháp ở Australia:
 - + Tòa án có quyền làm luật.
 - + Giám sát tư pháp đối với các hoạt động hành pháp.
 - + Giải thích hiến pháp, bao gồm cả việc xác định tính hợp hiến của các đạo luật do Nghị viện ban hành.
 - + Các giới hạn của quyền tư pháp

- Định nghĩa quyền tư pháp ở Australia

+ Phán quyết về các vấn đề pháp lý và thực tiễn trong tranh chấp giữa các bên bằng cách áp dụng các quy định và/hoặc các nguyên tắc để đưa ra các kết luận cuối cùng có thể được thi hành.

+ Trong thực hiện chức năng tư pháp, các tòa án có thể làm luật. Tình huống này xuất hiện khi sử dụng các bản án đã tuyên, trong đó giải thích các quy định của *Hiến pháp* và pháp luật, làm căn cứ phán quyết (luật án lệ).

- Việc áp dụng án lệ của Tòa án ở Australia

+ Các tòa sơ thẩm phán quyết về các vấn đề pháp lý và thực tiễn

+ Các tòa phúc thẩm phán quyết về các vấn đề pháp lý (chỉ chấp nhận kháng cáo về vấn đề pháp lý, không chấp nhận kháng cáo về vấn đề thực tiễn)

+ Phương pháp sử dụng án lệ.

+ Các tòa án chỉ có quyền xử các vụ kiện được đưa ra trước tòa

- Hoạt động giám sát tư pháp của Tòa án đối với các hoạt động hành pháp

+ *Hiến pháp*, Đ. 75, trao cho Tòa án Cấp cao quyền giám sát tính hợp pháp của các quyết định hành chính, bao gồm:

+ Quyết định đó có đúng thẩm quyền không

+ Có tuân thủ trình tự thủ tục ban hành không

+ Pháp luật có được giải thích và áp dụng đúng hay không

+ Hiệu quả của việc giám sát là các cơ quan hành pháp phải tuân thủ pháp luật

+ Công dân bị ảnh hưởng có thể yêu cầu tòa án thực hiện giám sát

+ Nếu cơ quan hành pháp thực hiện không đúng thẩm quyền, quyết định của cơ quan này sẽ bị vô hiệu

+ Pháp luật cũng quy định các biện pháp khắc phục khác (bằng các lệnh của tòa án)

+ Nghị viện, bằng một số phương thức, đã nỗ lực hạn chế quyền của Tòa án Cấp cao giám sát hành vi của cơ quan hành pháp. Tuy nhiên điều này chưa bao giờ thành công. Tòa án Cấp cao đã rất thận trọng và kiên quyết trong việc bảo vệ vai trò của mình trong hệ thống hiến pháp

- Giải thích Hiến pháp của Tòa án cấp cao:

+ Tòa án Cấp cao giải thích Hiến pháp; ý kiến của Tòa là cuối cùng

+ Tòa án Cấp cao xác định một đạo luật có phù hợp với *Hiến pháp* hay không (tính hợp hiến)

+ Nếu một đạo luật là vi hiến, luật này sẽ bị “hủy bỏ” mà không chờ Nghị viện thực hiện quyền lập pháp của mình. Văn bản đó không còn là luật, không có giá trị pháp lý, không có hiệu lực thi hành.

+ Bất kỳ người nào hay (cơ quan) nhà nước nào bị ảnh hưởng cũng có thể yêu cầu tòa án xem xét

+ Khi đưa ra phán quyết này, chỉ khía cạnh pháp luật được xem xét, mà không phải các khía cạnh trí tuệ và đạo đức

(8) Ngoài ra các tham luận cũng như đại biểu đã trao đổi thêm nhiều ý kiến để khắc phục những khó khăn trong quá trình triển khai công tác cải cách tư pháp ở Việt Nam.

Trên đây là Báo cáo của Viện Khoa học Pháp lý về kết quả triển khai tổ chức Hội thảo “Quyền tư pháp trong nhà nước pháp quyền – Lý luận và thực tiễn”, kính chuyển Ban quản lý dự án theo dõi và tổng hợp./

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: Viện KHPL, Ban NCPL Quốc tế

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**

Nguyễn Văn Hiến